

Phong cách cai trị vô vi của Lão Tử và một số gợi ý đặc dụng

Cung Thị Ngọc^(*)

Tóm tắt: *Tư tưởng vô vi nhi trị là một trong những tư tưởng chính trị đặc sắc của Lão Tử. Mặc dù bị coi là tư tưởng chính trị dị đời, nhưng phong cách trị nước kiểu vô vi cũng hấp dẫn khá nhiều chính trị gia quá khứ và hiện tại trong cuộc sống. Họ tìm về vô vi của Lão Tử như tìm một khoảng tĩnh lặng tâm thức, một sự hư vô tinh thần tạm thời, một mảng đối lập với cuộc sống chính trị đầy thách thức để xoa dịu tâm hồn, để thanh lọc cảm dỗ. Với nhân loại hiện đại, cách trị nước vô vi còn mang nhiều gợi ý bổ ích, thiết thực để sống hòa hợp với tự nhiên, thoát khỏi khủng hoảng hiện tại.*

Từ khóa: Tư tưởng vô vi, Tư tưởng chính trị, Lão Tử, Tư tưởng hữu vi

Lão Tử sinh ra vào giữa thời Xuân Thu khoảng thế kỷ thứ VI TCN cùng thời với Khổng Tử (551-479 TCN). Ông là người sáng lập học thuyết Đạo gia của Trung Quốc cổ đại. Tư tưởng của Lão Tử được lưu lại trong 5.000 chữ của tác phẩm *Lão Tử - Đạo Đức Kinh*. Với 5.000 chữ ấy, Lão Tử đã để lại cho nhân loại nhiều thông điệp tư tưởng mang ẩn ý sâu xa. Bài viết góp phần làm sáng tỏ những sắc thái của phong cách cai trị vô vi và chỉ ra một số gợi ý từ đó đối với nhân loại hiện nay.

1. Cơ sở của phong cách cai trị vô vi

Quan niệm *vô vi nhi trị* được Lão Tử đề xuất trên cơ sở những nhận định của Lão Tử về thế cuộc đương thời và về bản chất tự nhiên của con người.

Xã hội Trung Quốc thời đại Lão Tử sống là xã hội tào loạn đầy những biến động dữ dội: loạn lạc, ly tán, chiến tranh triền miên... Khổng Tử gọi là *đại loạn*. Mọi chuẩn tắc, giá trị xã hội bị thay đổi, đảo lộn trong guồng quay của âm mưu *đoạt ngôi, xưng bá*. Khổng Tử đã từng than rằng: Than ôi! Trời làm mất đạo ta! Vì mất Đạo nên vua không *minh chính*, cha chẳng *nhân từ*, con quên *hiếu thuận*, tôi mất đức *trung*. Tìm căn nguyên của *đại loạn* này, Khổng Tử cho rằng do mọi người đã phạm sai lầm *bất chính* (không *chính danh* - không thực hiện trọn vẹn bổn phận của mình). Vì thế, lý tưởng chính trị của ông là trở về xã hội hòa mục, yên ổn, *vua sáng, tôi hiền* và trước hết là làm cho mọi người trở về phận vị của mình (*chính danh*) bằng *tam cương, ngũ thường, tam tông* (phụ nữ), *tứ đức*. Để thực hiện những chuẩn tắc từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội thì các bậc cai trị phải làm gương:

^(*) TS. Triết học; Giảng viên Triết học, Học viện Chính trị Khu vực I, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Email: ngoccong@yahoo.com

phải minh chính, mẫu mực, phải thực hiện trọn vẹn đạo *cương thường*, phải tỏa đức sáng để cảm hóa thiên hạ (*đức trị*), phải trấn trở, âu lo với cơm áo của con dân (*chấn dân, huệ dân*) bằng những biện pháp, chính sách thực tế (*hữu vi*).

Ngược lại với Khổng Tử, Lão Tử cho rằng sở dĩ xã hội *đại loạn* là do con người đã hành xử theo những nguyên tắc trái tự nhiên (*đạo người*), dung dưỡng dục vọng, xa rời sự thuần phác ban đầu được mẹ thiên nhiên (*đạo trời*) ban tặng. Chính điều này đã làm nảy sinh lòng tham, ham muốn tranh giành, xung bá. Theo ông, *đạo người* trái ngược với *đạo trời*. *Đạo trời* lấy chỗ dư bù chỗ thiếu nhưng *đạo người* lấy chỗ thiếu bù chỗ dư. *Đạo trời* là tự nhiên, vốn thể không tác tạo, gia cố. Chẳng hạn, bò có bốn chân là trời, nhưng xỏ mũi trâu, dắt mũi bò là người: “Đạo trời giống như buộc dây cung vào cung chẳng? Dây cung ở cao quá thì hạ nó xuống, ở thấp quá thì đưa nó lên; dài quá thì bỏ bớt đi, ngắn quá thì thêm vào. Đạo trời bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu. Đạo người [thói thường của con người] thì không vậy, bớt chỗ thiếu mà cấp thêm cho chỗ dư” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.271).

Theo Lão Tử, cách trị dân kiểu *vô vi* có cơ sở tự nhiên, đáng tin cậy. Bởi con người khi sinh ra cũng giống như muôn loài đã có *đức tự nhiên* như tình cảm huyết thống (lòng yêu cha mẹ, yêu con, yêu đồng loại, tôn trọng bề trên...). Những tình cảm đó hồn nhiên, trong sạch, không suy tính, vụ lợi - ông gọi là *phác*. Nhưng do thế tục đưa đẩy, họ đã làm mai một đi cái đức hồn nhiên, mới đặt ra lễ nghĩa để trị dân. Lão Tử cho rằng đạo chân chính mà con người phải thuận theo đó là *đạo trời - đạo tự nhiên* (*Đạo pháp tự nhiên*) và phê bỏ *đạo người* phi lý do con người tự bày đặt. Nếu vẫn làm theo những chuẩn tắc, chuẩn mực tự đặt ra thì con người sẽ

ngày càng trở nên thủ đoạn, hiểm độc, xa rời tự nhiên, xa rời đạo chân chính và sẽ khốn khổ khôn lường. Về điều này hậu duệ của Lão Tử - Trang Tử đã khẳng định rõ thêm trong thiên “Tề vật luận” (*Luận thuyết về các vật như nhau*), ông cho rằng, không thể cố chỗ ở lý tưởng, khẩu vị lý tưởng, vẻ đẹp lý tưởng cho tất cả mọi loài (trong đó có loài người). Không thể phân biệt *nhân, nghĩa, thiện, ác* bởi chẳng có tiêu chuẩn nào là tuyệt đối. Nếu cố gắng phân biệt thì chỉ làm cho xã hội rối ren thêm. Việc theo đuổi những chuẩn tắc tự đặt ra khiến con người trở nên mê loạn, toan tính, thủ đoạn, tàn bạo, hiếu sát; đức bại hoại, hành động bất thiện.

Quan sát thời cuộc, Lão Tử nhận thấy, sở dĩ dân mà đói là vì thuế nhiều, dân khó trị là vì bề trên dùng đạo *hữu vi*, dân coi thường cái chết là vì bề trên quá coi trọng cái sống. Ông khuyên các bậc bề trên phải làm sao cho dân *phản phác* (quay trở về với cái chân thực ban đầu). Muốn vậy, chính các bậc đó phải làm gương, phải giữ được cái “phác” để dẫn dắt dân chúng: “Thánh nhân giữ thuần phác mà điều khiển trăm quan, cho nên người giỏi trị nước không chia cắt chi li” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.207). Giữ được cái *phác* thì vạn vật sẽ tự nhiên quy phục: “Đạo vĩnh viễn không có tên, chất phác, tuy ẩn vi mà thiên hạ không ai coi thường nó được. Các bậc vương hầu biết giữ nó thì vạn vật sẽ tự động quy phục” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.213).

Phong cách trị nước đó, Lão Tử gọi là *vô vi*. *Vô vi* tức là ít can thiệp vào việc của dân, để cho dân sống thuận theo tự nhiên, như vậy thì dân sẽ *tự hóa*, sống yên ổn, vui vẻ và phát triển theo sở nguyện. Lão Tử cho rằng: “Trị nước lớn cũng như nấu cá nhỏ” (nấu cá nhỏ mà lật lên lật xuống, động tới nó nhiều quá, nó sẽ nát, trị nước lớn mà chính lệnh phiền hà, pháp

lệnh thay đổi nhiều quá, can thiệp vào việc dân nhiều quá, dân sẽ trá ngụy mà chống đối)” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.250). Đó là hậu quả của chính sách trị nước theo kiểu *hữu vi* và cũng là cái lợi của cách trị *vô vi*.

2. Điều kiện để thực thi phong cách cai trị vô vi

Để trị theo phong cách *vô vi*, Lão Tử cho rằng, nhà cầm quyền cần *pháp tự nhiên* (làm theo tự nhiên) trong mọi việc. Trước hết, xã hội để thực hiện *vô vi* là xã hội phải tự nhiên, thuận hòa, không dùng trí tuệ, kỹ thuật (*trí xảo*). Xã hội ấy có thể hình dung là xã hội nước nhỏ, dân ít, dân cư tự quản tự (tự quản), dân chủ, không phân biệt đẳng cấp, thứ bậc, con người không trí xảo (không luật lệ, không cần kỹ thuật, không trộm cắp) và tôn trọng nhau. Xã hội này có bậc cai trị nhưng bậc ấy cũng sống như mọi người khác và không can thiệp vào đời sống của ai: “Nước nhỏ, dân ít, dù có khí cụ gấp chục gấp trăm sức người cũng không dùng đến. Ai nấy đều coi sự chết là hệ trọng nên không đi đâu xa. Có thuyền, xe mà không ngồi, có binh khí mà không bày. [Bỏ hết văn tự] bắt dân dùng lại lối thắt dây thừng cổ [để ghi những việc cần phải nhớ]. Thức ăn đạm bạc mà thấy ngon, quần áo tầm thường mà cho là đẹp, nhà ở thô sơ mà thích, phong tục giản phác mà lấy làm vui...” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.274).

Theo Lão Tử, lối cai trị dùng lễ giáo (*hữu vi*) làm cho nhân thế trở nên nhiễu loạn, phức tạp, chứa chấp nhiều âm mưu phản loạn, chống đối và nếu cố chấp, hà khắc thì sẽ mất thiên hạ: “Đạo lớn bị bỏ rồi mới có nhân nghĩa; trí xảo xuất hiện rồi mới có trá ngụy; gia đình (cha mẹ, anh em, vợ chồng) bất hòa rồi mới sinh ra hiếu, từ; nước nhà rối loạn mới có tôi trung” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.190);

“Cho nên đạo mất rồi sau mới có đức (đức ở đây hiểu theo nghĩa nguyên lý của mỗi vật), đức mất rồi sau mới có nhân, nhân mất rồi sau mới có nghĩa, nghĩa mất rồi sau mới có lễ. Lễ là biểu hiện sự suy vi của sự trung hậu thành tín, là đầu mối của sự hỗn loạn. Dùng trí tuệ để tính toán trước, thì [mất cái chất phác] chỉ là cái lờ loẹt [cái hoa] của đạo, mà là nguồn gốc của ngu muội. Cho nên bậc đại trượng phu [người hiểu đạo] giữ trung hậu thành tín mà không trọng lễ nghi, giữ đạo mà không dùng trí xảo, bỏ cái này mà giữ cái kia” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.222). Vậy nên phải *tuyệt thánh khí trí* (phế bỏ thánh nhân, xa rời trí xảo): “Dứt thánh (thánh hiểu theo quan niệm Khổng, Mặc) bỏ trí, dân lợi gấp trăm; dứt nhân bỏ nghĩa, dân lại hiếu từ; dứt [trí] xảo bỏ lợi, không có trộm giặc” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.191). Lão Tử cho rằng, bậc trị nước thì chỉ cần thỏa mãn những nhu cầu tự nhiên, thiết yếu của con người: “Chính trị của thánh nhân là làm cho dân: lòng thì hư tĩnh, bụng thì no, tâm chí thì yếu (không ham muốn, tranh giành), xương cốt thì mạnh. Khiến cho dân không biết, không muốn, mà bọn trí xảo không dám hành động. Theo chính sách *vô vi* thì mọi việc đều trị” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.168).

Như vậy, *vô vi* là không làm trái đạo tự nhiên mà mọi việc đều đầu vào đấy (*nhi tri*). *Vô vi* không phải là không làm gì mà là làm theo lẽ tự nhiên. Nhưng tự nhiên vốn đã tự diễn tiến nên bề ngoài thì *vô vi* của bậc cai trị giống như không có hành thái tác tạo gì (không *hữu vi*) nhưng thực chất lại là làm tất cả - *vô vi nhi vô bất vi* là thế. “Đạo thường vô vi nhi vô bất vi” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.219). “Ta không làm gì mà dân tự cải hóa, ta ưa thanh tĩnh mà dân tự nhiên thuần chính, ta không ban giáo lệnh mà dân tự phú túc, ta vô dục mà dân tự hóa ra chất phác”

(Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.283). Vậy, theo phép trị vô vi, người đứng đầu không cần lễ nghi, xảo thuật, cứ thuận theo đức tự nhiên mà hành xử.

Theo Lão Tử, trị theo lối vô vi có rất nhiều ích lợi: vạn vật được *tự hành* (tự diễn tiến) theo bản tính, sở nguyện của mình, xã hội tự trị, con người không phải tổn công, nhọc sức, bày đặt trí xảo mà tự tại, ung dung. Ngược lại, nếu *hữu vi* con người phải hao tâm, tổn trí, bày đặt thể thức, vạn vật bị trói buộc theo những khuôn phép của thể tục. Người đứng đầu luôn ưu lo, toan tính, bị dục vọng hối thúc và nguy hại hơn cả là không được sống theo sở nguyện tự do mà luôn phải gò mình vào những chuẩn tắc ngoại thân và làm tổn hại đến tuổi trời cho.

Theo quan niệm này, có thể thấy Lão Tử chủ trương không ưa chuộng luật pháp, lễ nghĩa, phủ nhận kỹ nghệ, tiến bộ xã hội. Ông đã không đánh giá đúng vai trò của đạo đức, pháp luật, kỹ thuật đối với xã hội và rơi vào mâu thuẫn: không bằng lòng với xã hội nhưng không chỉ ra được biện pháp khắc phục mà lại phủ nhận mặt đối lập một cách siêu hình. Ông phê phán giai cấp thống trị và pháp luật hiện hành, bác bỏ pháp luật, văn hóa, đó là thái độ cực đoan trong giải quyết mâu thuẫn. Ông chỉ thấy mặt tiêu cực của pháp luật, văn hóa mà không thấy mặt tích cực của nó trong việc định hướng, chế định hoạt động của con người. Đây là điểm hạn chế, bảo thủ trong tư tưởng Lão Tử. Theo quan điểm lịch sử-cụ thể, có thể có nhận xét công bằng hơn về thái độ của Lão Tử đối với thời cuộc. Sống trong cảnh chiến tranh, loạn lạc, tranh giành, xảo trá đến cực độ, có lẽ Lão Tử đã khát khao muốn tìm ra một “cứu cánh” để cứu nhân sinh thoát khỏi cảnh cuộc sống đầy bất ổn. Không thể là cách *hữu vi* như Nho gia, *kiềm ái* của Mặc gia, Lão Tử đề xuất *vô vi*

để ghìm cương những con người trong cơn say được mất. Thực chất, ẩn giấu trong giải pháp ngược đời, khó thực hiện ấy là sự mong mỏi, khát khao, khuyến thiện rằng người đời đừng mãi mê với cơ mưu xảo trá, với ngoại vật cám dỗ, đừng để mất đi cái chân thực trong tính người mà hãy giữ lấy phương thức sinh hoạt an nhiên, đạm bạc, giữ được bản tính thuần nhất, chất phác, giảm ham muốn, vứt bỏ sự phiền nhiễu của thánh trí, lễ pháp để sống thuần phác như mọi loài. Lão Tử đã khẳng định về nguồn gốc của ý thức xã hội, của tư tưởng. Mọi hình thái ý thức xã hội như *nhân, nghĩa, lễ* (theo quan niệm của Khổng Tử) đều bắt nguồn từ thực trạng xã hội, từ ham muốn, dục vọng cá nhân. Đó là thể hiện tư tưởng duy vật về xã hội của Lão Tử. Khách quan nhìn nhận thì Lão Tử không hẳn là phản động, lạc hậu cực đoan mà đó là cách cứu đời rất *dị thường* của ông.

3. Phong thái của người đứng đầu theo phong cách vô vi

Vô dục, vô ưu, vô tư, vô tình trong cuộc sống là hình dung của bậc trưởng lão vô vi. *Vô dục* không phải là từ bỏ mọi dục vọng mà là đừng để cho dục vọng trái tự nhiên thao túng. Chẳng hạn, để sống chúng ta cần phải ăn nhưng ăn tùy duyên là tự nhiên, ăn với sự ham muốn, đòi hỏi cao lương mỹ vị là trái tự nhiên. Ông cho rằng, *ngũ sắc* làm con người mờ mắt, *ngũ nhạc* làm con người điếc tai, *ngũ vị* làm con người tê lưỡi. Chính những ham thích trái tự nhiên (muốn nghe âm thanh hay, nhìn sắc màu đẹp, nếm hương vị ngon...) sẽ làm cho cảm nhận của con người không còn chân xác nữa và họ ngày càng xa rời bản tính mộc mạc, tự nhiên ban đầu.

Nếu nhu cầu của mỗi người là xuất phát từ sở nguyện tự nhiên thì nhu cầu ấy cũng rất dễ được thỏa nguyện và con

người không còn ưu lo, trần trở, muộn phiền vì những điều không toại nguyện về nhu cầu vượt ngưỡng. Như vậy, *vô dục* (thực hiện theo nhu cầu tự nhiên) sẽ tất yếu dẫn đến *vô ưu* (không lo lắng, băn khoăn, đau khổ...). Khi đã không còn lo nghĩ, trần trở sẽ có tâm thái *vô tư, vô tình*. *Vô tư, vô tình* có nghĩa là không mưu mẹo, không câu chấp, không yêu ghét, không lệ thuộc mà là tùy duyên, gặp cảnh nào thì vui cảnh đó thoát đến, rồi thoát đi, không ban ơn, không màng danh lợi, không để lại dấu ấn. “Thánh nhân ở trong thiên hạ thì vô tư vô dục, trị thiên hạ thì để lòng mình hồn nhiên. Trăm họ đều chăm chú nghe nhìn thánh nhân, thánh nhân đều coi họ như con trẻ” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.235); “Trời đất bất nhân, coi vạn vật như chó rom; thánh nhân bất nhân, coi trăm họ như chó rom” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.170-171). Trời đất (thiên nhiên) không có tình thương của con người (*bất nhân*), không thiên vị với bất kỳ vật nào, cứ thản nhiên *tiếp vật*, đang thời thì dùng, quá thời thì bỏ; cũng như cây cối bốn mùa, mùa xuân hạ tốt tươi, khi trở hoa kết trái rồi thì điều tàn, khô héo. Cho nên, Lão Tử nhận định, trời đất coi vạn vật như chó rom (những con chó kết bằng rom khi chưa bày để cúng thì được cất kỹ trong rương hoặc giỏ, bao bằng gấm vóc, khi cúng xong rồi thì người ta liệng nó ra ngoài đường, người đi đường giẫm lên đầu, lên cổ chúng hoặc lượm về nhóm lửa), nghĩa là lúc chưa cúng cũng như lúc cúng xong rồi, không phải vì điều đó mà trời đất tư vị lúc này, lúc kia. Bậc trị nước *vô vi* cũng phải như vậy, để cho trăm họ phát triển theo thiên tính tự nhiên, đừng vì lúc này, lúc khác, điều hay lẽ dở mà can thiệp vào sự phát triển tự nhiên của họ.

Tâm thái, dung mạo của bậc trưởng lão điềm đạm, ung dung, tự tại, gần gũi, thân thiện. Họ không cầu giận, không ra

uy, không phụ thuộc lễ nghĩa. Theo Trang Tử, bậc cai trị ấy đã đạt tới độ *chân nhân* (con người đích thực): *vô kỷ* (quên bản thân mình), *vô công* (quên công của mình), *vô danh* (quên danh tính bản thân). Bậc hoàn hảo ấy không cần người đời ca tụng, tri ân hoặc người đời cũng không biết đến họ, nhưng ân đức của họ giống như luật tự nhiên bao trùm, điều khiển cả thiên hạ. Đức của họ, được Lão -Trang gọi là đức tự nhiên (giống như quy luật tự nhiên). Đức ấy mang bản chất của Đạo (mẹ của vạn vật), luôn khiến người có nó thuận hòa, thuận ứng, an nhiên như khí trời.

Nhưng xã hội luôn tiềm tàng bất công, trực sẵn những ham muốn khôn cùng, bậc cai trị cần phải làm gì để vừa có thể sống *tự do, tự tại*, vừa cai trị hoàn hảo?

Trước hết, cần hiểu rõ thế sự, nhưng cũng đừng để những biến loạn của thế sự lôi cuốn - cần *biết đủ, biết dừng*. Lão Tử cho rằng, sự mê muội lớn nhất của con người (giống như quan niệm Phật giáo) là không hiểu rõ nguồn gốc, bản chất của mình và để cho *ngoại vật* (những vật ngoài thân) sai khiến. Ông đã từng than rằng, cái họa lớn nhất của người đời là không *biết đủ*. Không biết đủ về bản thân, về thế sự và để cho ham muốn bản ngã lung lạc, để cho nhiễu loạn, cạm bẫy của thế tục giày vò. Vì thế tâm, thân của con người luôn bị tổn hại, loạn nhịp, nhuốm màu của dục vọng, không còn đức hồn nhiên, vô tư của bản chất tự nhiên ban đầu. Khi đã không *biết đủ*, con người cũng không thể biết cách điều chỉnh, tự bảo vệ hoặc kịp dừng lại trước những hiểm nguy, cạm bẫy đang trực chờ. Vì vậy, *biết đủ* là điều kiện của *biết dừng*. Cái lợi của *biết đủ* là không bao giờ bị kém cỏi, mê lầm, nhục nhã, không bị rơi vào những hoàn cảnh éo le không biết trước (*tri túc, bất nhục*). Cái lợi của *biết dừng* là không bao

giờ bị rơi vào nguy khôn, bị gò ép, bị phụ thuộc (*tri chi, bất đãi*). Vì vậy, *tri túc, tri chi* là phép *xử nhân, tiếp vật* xuất sắc, toàn tài của các bậc cai trị hoàn hảo.

Khi đã đạt đến phép xử thế đó, mọi hành thái của bậc trưởng lão mang dáng vẻ ung dung, bình thản, tự nhiên. Vì vậy mà người đời thấy họ không màng đến danh, lợi, không tranh giành bổng lộc (*bất tranh*) và luôn khiêm tốn, nhường nhịn, tôn trọng người xung quanh (*khiêm hạ*). Theo Lão Tử, cái lợi của *bất tranh* là ở chỗ không gây oán thù, không tạo ra điều bất lợi, giữ được hòa khí với mọi người. Bởi vì mình không tranh giành với ai thì cũng chẳng ai tranh giành với mình. Để diễn tả đức tính *khiêm hạ, bất tranh*, không dám đứng trước thiên hạ, Lão Tử đã mượn hình ảnh của nước để khái quát. Nước là vật không có hình hài góc cạnh, luôn mềm mại, biến ảo (*bất định*), phụ thuộc vào vật khác, nhưng sức mạnh của nó là ở chỗ nó nuôi dưỡng, ôm ấp vạn vật, luôn được vào những nơi khó vào nhất và cũng có sức công phá bền bỉ, mạnh mẽ nhất. Bậc cai trị mà mềm mỏng như nước cũng có nghĩa là họ đã nắm bắt được điểm mấu chốt của nghệ thuật *chấn dân*. Dẫn dắt thiên hạ mà không cần xảo thuật, làm lợi cho thiên hạ mà không kể công, uốn chính muôn vật mà không để lại tung tích, dấu vết. “Cho nên thánh nhân làm mà không cậy khéo, việc thành mà không quan tâm tới, không biểu hiện đức của mình ra” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.271); “Cho nên, thánh nhân xử sự theo thái độ “vô vi” dùng thuật “không nói” mà dạy dỗ, để cho vạn vật tự nhiên sinh trưởng mà không can thiệp vào, khéo nuôi dưỡng vạn vật mà không chiếm làm của mình, làm mà không cậy khéo, việc thành mà không quan tâm tới. Vì không quan tâm tới nên sự nghiệp mới còn mãi” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.165-166).

Bậc cai trị mà thiếu đức *khiêm hạ* thì sớm rước họa vào thân. Theo Lão Tử: “làm bậc trên thiên hạ mà thiếu tư cách thành thực khiêm nhu từ tốn, việc gì cũng chỉ muốn ngồi trên đầu trên cổ dân mà trị, tức là làm nhục thiên hạ, thế mà không chết thì là một sự may mắn lạ thường” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.347).

Vì vậy, đức *khiêm nhu* không thể thiếu được trong phong cách cai trị vô vi. “Vậy thánh nhân muốn ở trên dân thì phải nói lời khiêm hạ, muốn ở trước dân thì phải lùi lại sau” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.258). Ở trên dân, trước dân mà có đức *khiêm nhu* thì dân không thấy nặng, thấy cản, mà thấy được dẫn dắt che chở nên bền lâu; ngược lại, ở trên dân, trước dân mà hách dịch cửa quyền thì dân cảm thấy mình bị xem thường, bị đè nén áp bức, do đó không bền lâu.

Phong cách bậc cai trị này dường như rất gần gũi, rất dễ làm, nhưng để đạt tới đức *khiêm hạ*, gần với Đạo thì hiếm có bậc cai trị nào làm được: “Cho nên thánh nhân bảo: ‘Chịu nhận cái ô nhục trong nước thì mới làm chủ xã tắc được, chịu nhận cái tai họa trong thiên hạ thì mới làm vua thiên hạ được’. Lời hợp đạo nghe như ngược đời” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.272).

Muốn được thiên hạ, bậc trưởng lão cần phải *từ ái, kiệm ước*. *Từ ái* là nhân từ, điềm đạm, tôn trọng sở nguyện, tự do của người khác, yêu thương người như chính bản thân mình. Cốt lõi của *từ ái* là giữ được phẩm chất chờ che, tác tạo và hy sinh cho muôn vật một cách tự nhiên của Đạo. “Người nào mà coi trọng sự hy sinh của thân mình cho thiên hạ thì có thể giao thiên hạ cho người đó được. Người nào vui vẻ đem thân mình phục vụ thiên hạ thì có thể gởi thiên hạ cho người đó được” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.183).

Kiểm ước (tiết kiệm) tức là biết tiết chế dục vọng, ham muốn, giảm thiểu sự xa xỉ, phung phí. *Kiểm ước* là đức cao nhất của kẻ trị quốc, người nào biết tiết kiệm thì mới sung túc được, sung túc được thì mới có thể lo cho thiên hạ được, mới làm được đại sự. Do đó, Lão Tử rất coi trọng đức *kiểm ước*: “Trị người thay trời không gì bằng tiết kiệm, tiết kiệm phải là việc lo sớm nhất”. Ai làm việc đó? Người lãnh đạo nhân dân là người làm việc đó. Muốn làm được việc đó phải có cái đức kiểm ước, nói lý thuyết thôi không đủ mà phải: “Làm khuôn phép cho thiên hạ - Vi thiên hạ thức” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.249). Đồng thời, tự mình làm khuôn phép cho dân, là gương sáng về đức kiểm ước để dân theo. Vì vậy, Lão Tử khuyên bậc thánh nhân trị nước hãy *khử thậm* (từ bỏ cực đoan, bảo thủ), *khử xa* (từ bỏ xa xỉ), *khử thái* (từ bỏ sự phung phí, xa hoa, thói nhiều sách thái quá). Thói xa hoa là căn bệnh nguy hiểm nhất cho kẻ cầm quyền trị nước; cầm quyền trị nước mà sống không kiểm ước, sống xa hoa, lãng phí thì là cái họa cho nước. Người dân phải chịu cảnh sưu cao, thuế nặng để cung phụng cho thói xa hoa của họ.

Lão Tử cũng đã nói rõ thêm về ích lợi của *kiểm ước*: “Trị dân và tu thân thì không gì bằng tiết kiệm [tinh thần và trí óc]; có thể tiết kiệm thì mới sớm phục tòng đạo, sớm phục tòng đạo thì tích được nhiều đức; tích được nhiều đức thì không gì không khắc phục được; không gì không khắc phục được thì năng lực của mình không biết tới đâu là cùng; năng lực không biết tới đâu là cùng thì trị được nước” (Nguyễn Hiến Lê, 1994, tr.249).

4. Một số gợi ý đặc dụng

Hãy sống giản dị, hòa ái, giảm bớt ham muốn

Như vậy, có thể thấy, ẩn sau tư tưởng trị dân vô vi của Lão Tử là sự khát khao

thoát khỏi xã hội loạn lạc, mong muốn con người sống một cách hồn nhiên, tiết giảm dục vọng thái quá. Thông điệp Lão Tử để lại cho nhân loại ngàn đời đó là hãy chung sống hòa ái trong sự giản dị, thuần phác, yêu thương, hãy giảm bớt ham muốn dục vọng trái tự nhiên để trường tồn vững bền, tránh được họa diệt chủng. Đây là khía cạnh hấp dẫn người phương Tây của tư tưởng vô vi Lão Tử. Vô vi - phương thuốc đặc dụng để giảm trừ sự ham muốn xa xỉ, hưởng thụ phung phí, lệ thuộc vào kỹ nghệ, sống trái thiên nhiên. Vô vi hướng con người tới chỗ tự tu dưỡng, rèn luyện nội tâm để có thể làm chủ bản thân bằng cách chủ động nhận thức bản thân, ngoại vật xung quanh để tìm ra được phương pháp *xử nhân, tiếp vật* hài hòa, tránh được những hậu quả xấu do chính mình gây ra cho bản thân và xã hội.

Dường như chân lý Đạo tự nhiên chỉ có thể nhận thức và làm theo nó mà Lão Tử ám chỉ vẫn chưa được nhận thức đầy đủ, toàn diện. Thực tế, nhân loại trong kỷ nguyên tri thức vẫn đặt quá cao mục tiêu tăng trưởng, chinh phục tự nhiên mà quên mất phải sống hòa hợp với nó. Chúng ta tự cho rằng, khả năng chinh phục, thay đổi tự nhiên là vô hạn và hình hài của tự nhiên là do ý muốn của loài người tô vẽ. Nhưng thực tế lại chứng minh ngược lại, tri thức nhân loại dù đầy đủ đến mấy cũng không thể soi tỏ hết tự nhiên bí ẩn, rộng lớn. Vì vậy, để hòa hợp và xử sự hợp lý, con người nên hạn chế và loại bỏ dần những việc làm trái tự nhiên cực đoan cố ý. Lời nhắn nhủ đừng làm trái luật tự nhiên của Lão - Trang có lẽ là một gợi ý giá trị để nhân loại tránh bớt những thảm họa toàn cầu đang hiện hữu.

Hãy nhân bản hơn trong hoạt động chính trị

Thế giới của chúng ta đang tiềm chứa những thảm họa khủng khiếp từ những bất

ổn xã hội, chính trị: khủng bố cực đoan, tàng trữ vũ khí hủy diệt hàng loạt, chiến tranh công nghệ cao... Nguyên nhân của những thảm họa đó là do sai lầm trong nhận thức và hành động của nhân loại, trong đó có bộ phận quan trọng là các nhà cầm quyền của các tổ chức, các phe phái chính trị. Tại sao những thảm họa đó lại có thể hoành hành thách thức cả nhân loại hiện nay?

Lý giải theo logic tư tưởng của Lão Tử, đó là vì những người đứng đầu đã đề cao sở nguyện, tham vọng chính trị, đẩy nhân dân vào cảnh khốn khó của chiến tranh, âm mưu lật đổ, bạo loạn, ly khai, ty nạn... Phong cách trị nước trọng dân, theo sở nguyện của dân để nhân dân được sống hòa bình, yên ổn, lìa xa thành tựu văn minh phi nhân tính... đó là những giá trị nhân bản của tư tưởng Lão Tử và là gợi ý tích cực trong các hoạt động chính trị quốc gia, quốc tế hiện nay. Hoạt động mang tính chất nhân bản đó là hoạt động hướng đến con người đích thực, con người cụ thể với những quyền lợi thực tế. Họ không bị phân biệt đẳng cấp, tôn giáo,

chủng tộc với những quyền sống, quyền hạnh phúc, quyền tự do bất khả xâm phạm. Do vậy, vấn đề là phải xây dựng được một nền chính trị, nền khoa học, nền văn hóa thực sự phục vụ nhân loại chứ không phụng sự cho một cá nhân, một tổ chức hay một dân tộc nào. Ở thời đại mà khoa học, kỹ thuật, công nghệ biến đổi thần tốc và nhiều khi sự tiến bộ này được sử dụng không vì mục đích nhân văn thì vấn đề không phải là chặn đứng đà tiến bộ đó (*khí trí*) mà chính là sự định hướng nhân bản cho mọi hoạt động của con người, nhất là những thành tựu trong khoa học. Trong việc định hướng đó, các chính khách, các nhà tư tưởng phải là những người đi đầu khởi xướng và kiến tạo một nền khoa học nhân bản đích thực đưa nhân loại thoát khỏi khủng hoảng ở kỷ nguyên này □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hiến Lê (1994, chú dịch và giới thiệu), *Lão Tử - Đạo Đức Kinh*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.